

# CÔNG BỐ KHOA HỌC QUỐC TẾ GẮN VỚI XẾP HẠNG ĐẠI HỌC

TS. Lê Văn Út<sup>1</sup>

1. Trưởng nhóm Nhóm nghiên cứu Đo lường khoa học  
và Chính sách quản trị nghiên cứu (SARAP), Trường Đại học Văn Lang  
Email: ut.le@vlu.edu.vn, ts.levanut@gmail.com

## TÓM TẮT

*Xếp hạng đại học là một vấn đề rất quan trọng đối với các cơ sở giáo dục đại học. Thành tựu xếp hạng đại học là minh chứng quan trọng để các cơ sở giáo dục đại học có thể khẳng định chất lượng và danh tiếng. Nghiên cứu khoa học đóng vai trò cốt yếu trong xếp hạng đại học. Tỷ trọng của tiêu chí này có thể thay đổi tùy theo từng bảng xếp hạng, có những bảng xếp hạng thì tiêu chí này có thể chiếm đến 100%. Sản phẩm của nghiên cứu khoa học nói chung đa dạng, nhưng công bố quốc tế hiện nay được xem là các sản phẩm căn bản và cốt yếu trong nghiên cứu khoa học ở các cơ sở giáo dục đại học. Bài báo này trình bày vai trò của các công bố quốc tế trong xếp hạng đại học, đặc biệt có nhấn mạnh chiến lược phát triển công bố quốc tế gắn với xếp hạng đối với các trường đại học phát triển theo định hướng ứng dụng.*

**Từ khóa:** Công bố quốc tế; xếp hạng đại học; nghiên cứu khoa học.

## 1. THẾ NÀO LÀ CÔNG BỐ QUỐC TẾ?

Một khi các sản phẩm nghiên cứu mới được công bố trên các diễn đàn khoa học được cộng đồng học thuật trên toàn thế giới tiếp cận và/hoặc công nhận thì sản phẩm nghiên cứu đó được gọi là công bố khoa học quốc tế hay gọi tắt là công bố quốc tế.

Công bố quốc tế rất đa dạng và phong phú về thể loại và cả chất lượng. Mỗi cơ sở dữ liệu khoa học, mỗi tổ chức nghiên cứu thường có các quy định riêng về danh mục những loại công bố quốc tế được công nhận.

Ví dụ như, Đại học Cape Town (Nam Phi) liệt kê tất cả 09 nhóm sản phẩm khoa học và trong mỗi nhóm thì có quy định rất nhiều loại sản phẩm khoa học khác nhau (University of Cape Tow, 2024).



#### Artistic works

A list and description of all [research outputs](#) categorised as artistic- and performance-related outputs by the research portal. See open compositions on [ZivaHub](#).

#### Book-related

A list and description of all research outputs categorised as [book-related outputs](#) by the research portal. See open books on [ZivaHub](#).

#### Conference-related

A list and description of all [research outputs](#) categorised as conference-related outputs by the research portal. See open posters and open conference contributions on [ZivaHub](#).

#### Creative outputs and Innovations

Information on Creative Outputs and Innovations submissions to DHET.

#### Data

A list and description of all research outputs categorised as [data outputs](#) by the research portal. See open data sets on [ZivaHub](#).

#### Journal-related

A list and description of all research outputs categorised as [journal-related outputs](#) by the research portal. See open journal contributions on [ZivaHub](#).

#### Other

A list and description of all [miscellaneous research output](#) categories including journal article reviews, commentary and letters to the editor, among others. See miscellaneous open outputs on [ZivaHub](#).

#### Teaching and learning

A list and description of all research outputs categorised as [teaching- and learning-related outputs](#) by the research portal. See open educational resources (OER) on [ZivaHub](#).

#### Theses

A list and description of all research outputs categorised as [thesis-related outputs](#) by the research portal. See thesis items on [ZivaHub](#).

*Ảnh chụp trực tiếp từ University of Cape Town, ngày 20/07/2024*

Những sản phẩm theo từng nhóm và danh mục sản phẩm của từng nhóm rất đa dạng bao gồm những sản phẩm chỉ có giá trị nội bộ (luận văn, chính sách,...) và kể cả những sản phẩm được nhận biết trên toàn thế giới.

Để có thể phân biệt được sản phẩm khoa học nào được xem là phổ biến trên thế giới, có thể dựa vào các cơ sở dữ liệu khoa học uy tín và phổ biến nhất mà cộng đồng khoa học thế giới hay sử dụng.

Hiện nay, các cơ sở dữ liệu khoa học được cộng đồng học thuật thế giới tin cậy và sử dụng nhiều nhất là Cơ sở dữ liệu Scopus của Hà Lan và Cơ sở dữ liệu Web of Science của Mỹ. Tuy nhiên, Web of Science được xem là cơ sở dữ liệu khoa học uy tín nhất hiện nay (Singh, et al., 2021).

Cơ sở dữ liệu khoa học uy tín Web of Science (WoS) của Mỹ hiện thống kê 40 loại công bố quốc tế (Clarivate, 2024). Để thuận tiện cho việc tham khảo, việc chụp hình trực tiếp thông tin các sản phẩm cùng với định nghĩa chi tiết trên WoS là điều hết sức cần thiết. Cụ thể như sau:

## Document Types

The following table includes descriptions of document types available when you perform an [Web of Science Core Collection search](#) and refine your results by **Document Type** from Refine Results. Available document types listed are based on your organization's subscription.

Document Type	Description
<b>Article</b>	<p>Reports of research on new and original works that are considered citable. Includes research papers, brief communications, technical notes, chronologies, full papers, and case reports (presented like full papers) that were published in a journal and/or presented at a symposium or conference.</p> <p>Articles usually include author abstract, graphs, tables, and lists of cited references.</p>
<b>Art Exhibit Review</b>	<p>Reviews of gallery or museum showings of artworks, crafts, manuscripts, memorabilia, artifacts, or collections of sorts.</p>
<b>Bibliography</b>	<p>A list, often with descriptive or critical notes, of writings relating to a particular subject.</p>
<b>Biographical-Item</b>	<p>Obituaries or articles focusing on the life of an individual, and articles that are tributes to or commemorations of an individual.</p>
<b>Book</b>	<p>A monograph or publication written on a specific topic.</p>
<b>Book Chapter</b>	<p>A monograph or publication written on a specific topic within a main division in a book.</p>
<b>Book Review</b>	<p>A critical appraisal of a book (often reflecting a reviewer's personal opinion or recommendation) that evaluates such aspects as organization and writing style, possible market appeal, and cultural, political, or literary significance. The book being reviewed is processed as the source title. The reviewer is processed as the author.</p>
<b>Correction</b>	<p>Correction of errors found in articles that were previously published and which have been made known after that article was published. Includes additions and errata. Retraction Items were processed as corrections prior to 2016. A correction title will include the citation to the article being corrected.</p>
<b>Dance Performance Review</b>	<p>Reviews of solo dance recitals, complete dance productions, dance programs consisting of several works, and other types of performed dances.</p>
<b>Data Paper</b>	<p>A scholarly publication describing a particular dataset or collection of datasets and usually published in the form of a peer-reviewed article in a scholarly journal. The main purpose of a data paper is to provide facts about the data (metadata, such as data collection, access, features etc.) rather than analysis and research in support of the data, as found in a conventional research article. A Data Paper will have a dual document type: Article; Data Paper.</p> <p>Prior to 2016, a Data Paper was processed as an Article only.</p>
<b>Database Review</b>	<p>A critical appraisal of a database, often reflecting a reviewer's personal opinion or recommendation. Refers to a structured collection of records or data that is stored in a computer system.</p>
<b>Early Access</b>	<p>An article that has been electronically published by a journal before it has been assigned to a specific volume and issue. An Early Access article will have a dual document type that will include the document type assigned and Early Access: Article; Early Access. When the article is later indexed from the issue, it is updated with the volume, issue, date, page information and the Early Access document type is removed. The processing of Early Access articles began in December 2017. Only journals that have been onboarded for early access contain Early Access articles.</p> <p>To qualify as Early Access, content must:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• be the version of record that will not change, aside from the final assignment in a volume/issue</li> <li>• include a DOI that will not change</li> <li>• include an Early Access publication date</li> <li>• include the cited references if present in the version of record</li> <li>• not include volume, issue, page range, final publication date</li> <li>• be published in a journal with a volume/issue model</li> </ul>

	<p>Because the content is not expected to change between the Early Access version and the version assigned to a specific volume and issue, the Early Access year is considered fully published as they can begin to accrue citations in this early access state.</p> <p>If the amount of time between the Early Access publication and publication in a specific volume and issue spans multiple years, then the Early Access date and the Publication Date may differ. Both dates are provided to facilitate easy discovery. If desired for analytics purposes, you may refine by a single year to eliminate double counting.</p>
<b>Editorial Material</b>	An article that gives the opinions of a person, group, or organization. Includes commentaries (depending on the content), editorials, interviews, discussions between individuals, post-paper discussions, round table symposia, conference summary, research highlights, introduction, preface and conclusion.
<b>Excerpt</b>	A selection from or a fragment of a literary or musical work, which cannot stand as a separate work in its own right (that is not a short story from a collection of stories or a poem from a book of poems).
<b>Expression of Concern</b>	A notification about the integrity of a published article that is typically written by an editor. The outcome may result in a future retraction notice or correction notice. The original article information is included in the title of the Expression of Concern and the original article is cited.
<b>Fiction, Creative Prose</b>	Includes short stories and other works (non-poetry) classified as creative writing rather than objective reporting of events or a scholarly presentation of facts.
<b>Film Review</b>	A review of a motion picture.
<b>Hardware Review</b>	A critical appraisal of computer hardware, often reflecting a reviewer's personal opinion or recommendation. Refers to objects that you can actually touch, like disk drives, keyboards, printers.
<b>Item Withdrawal</b>	A published statement from the editor or author announcing the withdrawal of a manuscript and the reason for the withdrawal. The Item Withdrawal notice must state that the item is being withdrawn. The original article information is included in the title of the withdrawal item and the original article is cited. Prior to 2021 Item Withdrawals were processed as a Retraction.
<b>Letter</b>	Brief Contributions or correspondence from the readers to the journal editor concerning previously published material. Includes "Readers Write", "Questions and Answers", "Letters to the Editor" and "Comments".
<b>Meeting</b>	<p>A paper that covers meeting abstracts sections published in a journal. The article title will include the meeting title (if provided) followed by the word abstracts. If meeting abstracts are processed individually the page span will be a singular page. If the journal does not meet the criteria for processing the individual meeting abstracts the page span will include the entire set of meeting abstracts.</p> <p><b>NOTE:</b> The "Meeting" document type created in 2023, will be applied retrospectively from 2019. The document type "Article" was assigned prior to 2019.</p>
<b>Meeting Abstract</b>	<p>An abstract or extended abstract of completed papers that were or will be presented at a symposium or conference.</p> <p><b>NOTE:</b> We process meeting abstracts from journals only in certain circumstances. If the journal falls into any of these three conditions, individual meeting abstracts are processed.</p> <p>The journal is covered in the Web of Science Social Science Citation Index®</p> <p>The journal is also covered in BIOSIS and meets the BIOSIS meeting abstracts processing policy, or is also covered in Derwent Drug File</p> <p>The journal is on a pre-approved Web of Science exception list</p> <p>If the journal does not fall into any of the above conditions, the meeting abstract section is processed as a single "article" record with "Abstract" added to the title.</p> <p><b>NOTE:</b> DOI handling for meeting abstracts</p> <p>If a single DOI is provided for either a meeting abstract section or the individual meeting abstracts, it is included. However, if a single DOI is provided for a meeting abstract section and the meeting abstracts are indexed individually, it will be included with the Current Contents Meeting record and not the individual meeting abstracts since the DOIs should be unique.</p>
<b>Meeting Summary</b>	A paper that covers multiple meeting abstracts in a variety of subjects.
<b>Music Performance Review</b>	Review of a live musical performance (recital, concert, and opera).
<b>Music Score</b>	Transcript of the original and entire draft of a musical composition or an arrangement with the parts for the different instruments or voices written on staves one above another.

<b>Music Score Review</b>	Review of a bound musical composition or bound collection of musical compositions.
<b>News Item</b>	News, current events, and recent developments usually unauthored and less than a page long.
<b>Poetry</b>	Compositions in verse; metrical writing.
<b>Proceedings Paper</b>	Full papers in a wide range of disciplines that were or will be presented at a symposium or meeting. The papers to be included must have been presented in full at a conference, meeting, symposium or similar gathering. Generally published in a book of conference proceedings.  Records covered in the two Conference Proceedings indexes (CPCI-S and CPCI-SSH) are identified as Proceedings Paper. However, the same records covered in the three indexes (SCI-E, SSCI, and A&HCI) are identified as Article when published in a journal. Proceedings papers will have a dual document type: Article; Proceedings paper.
<b>Publication with Expression of Concern</b>	An original publication that has an Expression of Concern published about it. A Publication with Expression of Concern will have a dual document type: EXAMPLE: Article; Publication with Expression of Concern. A "Publication with Expression of Concern" dual document type will only be assigned if an Expression of Concern notice is published.
<b>Record Review</b>	Reviews of recorded music or speech.
<b>Reprint</b>	An article that was previously published. Reprinted information is included in the source title and the original article is cited.
<b>Retracted Publication</b>	An article that has been retracted by an author, institution, editor, or a publisher. A Retracted Article will have a dual document type:  EXAMPLE Article; Retracted Publication. A Retracted Publication dual document type was created in 2016 and will only be assigned if a retraction notice is published.
<b>Retraction</b>	A published statement from the editor or author announcing the retraction of a manuscript and the reason for the retraction. The retraction notice must state that the item is being retracted. The original article information is included in the title of the retraction and the original article is cited. Prior to 2016 retractions were processed as corrections. The original article information is included in the title of the retraction and the original article is cited.
<b>Review</b>	Detailed, critical surveys of published research. A review article may summarize previously published studies and draw some conclusions but will not present new information on the subject. Includes Reviews, Review of Literature, Mini-reviews, and Systematic reviews. If an article is listed under the review section in a journal and/or <i>Review of Literature</i> appears in the title it will be assigned a review.  If an article is not assigned a review by the journal but <i>Review</i> , <i>Systematic Review</i> or <i>Mini-review</i> appears in the title, it must also appear someplace else in the article (abstract/summary or introduction) in order to be assigned the document type review.  NOTE: If the article(s) meet the above criteria - they must have References in order to be tagged as a Review item.  Review articles that were presented at a Symposium or Conference will be processed as Proceedings Papers.
<b>Script</b>	Includes film scripts, plays, TV, and radio scripts.
<b>Software Review</b>	A critical appraisal of computer software, often reflecting a reviewer's personal opinion or recommendation. Refers to programs, procedures, and rules, along with associated documentation pertaining to the operation of a computer system.
<b>Theater Review</b>	Review of a performed play.
<b>TV Review, Radio Review</b>	Reviews of television, videos, and radio broadcasts.
<b>Withdrawn Publication</b>	An article that has been withdrawn by an author, institution, editor, or a publisher. A Withdrawn Publication will have a dual document type: EXAMPLE: Article; Withdrawn Publication. A Withdrawn Publication dual document type was created in 2021 and will only be assigned if an Item Withdrawal notice is published.

*Ảnh chụp trực tiếp từ Web of Science, ngày 20/07/2024*

Trong tất cả các sản phẩm khoa học mà Web of Science liệt kê, các sản phẩm thuộc loại bài báo khoa học (paper/article) thì có thể nói là căn bản và cốt yếu nhất mà cộng đồng học thuật trên thế giới quan tâm, thường xuyên công bố và sử dụng. Và khái niệm công bố quốc tế mà cộng đồng học thuật Việt Nam thường dùng là các bài báo khoa học được công bố trên các tạp chí khoa học quốc tế hay bài báo quốc tế. Và đối với hầu hết các bảng xếp hạng đại học uy tín trong và ngoài nước, chủ yếu bài báo quốc tế là sản phẩm khoa học được dùng khi đánh giá thành tựu nghiên cứu của các cơ sở giáo dục đại học (viết tắt: đại học).

## 2. XẾP HẠNG ĐẠI HỌC

Sau trên 10 năm học tập, nghiên cứu và thực hành về xếp hạng đại học của tác giả bài báo này (Mỹ Quyên, 2024; Lê Văn Út, 2024; Lê Văn Út, 2023; Lê Huyền, 2023; Lê Văn Út, 2022a; Lê Văn Út, 2022b; Nhật Hồng, 2020; Công Chương, 2020; Lê Văn Út, 2019; Lê Văn Út, 2016a; Lê Văn Út, 2016b; Lê Văn Út, 2015; Lê Văn Út, 2014), có thể thấy rằng đôi khi vẫn còn những ý kiến trái chiều về xếp hạng đại học. Tuy nhiên, có thể khẳng định là xếp hạng rất cần thiết không chỉ cho chính các đại học mà còn rất nhiều bên liên quan, Cụ thể như sau (Lê Huyền, 2023):

Thứ nhất, xếp hạng chỉ là một kênh thông tin về chất lượng của đại học thông qua một bộ tiêu chí nhất định nào đó; có thể chưa là công cụ tuyệt đối để khẳng định liệu một đại học có chất lượng hay không.

Thứ hai, dù các đại học có thứ hạng khác nhau nhưng thật ra sự chênh lệch về điểm số có khi là không đáng kể, nhưng một khi đã là xếp hạng thì cái khổ là phải có cao có thấp.

Thứ ba, có thể xếp hạng chưa quyết định sự khác biệt rõ rệt về chất lượng giữa các đại học có hạng gần nhau, nhưng nếu hạng khá xa nhau thì lại là một vấn đề khiến chúng ta phải suy nghĩ.

Thứ tư, trong xếp hạng đại học thì không tránh khỏi việc đại học nghiên cứu kỹ các kỹ chiến thuật xếp hạng và thực hiện những giải pháp đột phá để có hạng cao hay hạng nhanh. Xếp hạng kiểu này cũng rất thú vị nhưng có thể xem là kiểu xếp hạng không bền vững. Một thứ hạng được gọi là bền vững thì nên tỷ lệ thuận với chất lượng nói chung của đại học.

Thực tế thì mỗi cá nhân, mỗi đơn vị, mỗi tổ chức và mỗi quốc gia đều cần thành tích để tồn tại và phát triển. Đối với các đại học cũng vậy, được xếp hạng và thậm chí được hạng cao bởi các tổ chức xếp hạng uy tín là thành tựu rất quan trọng; trên thế giới đã có không ít hiệu trưởng đại học bị mất chức vì đại học rớt hạng, đã có những đại học phải bị sát nhập vì không có hạng,...

Do đó, thành tích về xếp hạng là rất quan trọng, không chỉ đối với từng sinh viên, từng giảng viên, mà còn là sự “sống còn” của lãnh đạo đại học, còn là thể diện quốc gia và sự tự hào dân tộc. Tuy nhiên, xếp hạng đại học thực chất thì mới đáng được trân trọng, nghĩa là thứ hạng của đại học tương đương với đẳng cấp thật sự của đại học.

Tính đến thời điểm này, Việt Nam và trên thế giới đã có nhiều bảng xếp hạng đại học. Mỗi bảng xếp hạng đại học có những tiêu chí khác nhau, không bảng nào trùng hoàn toàn với bảng nào. Đây là điều kiện quan trọng để các bảng xếp hạng đại học có thể song song tồn tại. Một điều tối quan trọng là công bố quốc tế là tiêu chí bắt buộc trong tất cả các bảng xếp hạng với tỷ trọng tùy thuộc vào từng bảng xếp hạng.

### ***2.1. Các bảng xếp hạng đại học ở Việt Nam***

#### ***2.1.1. VNUR***

VNUR là một bảng xếp hạng các đại học Việt Nam, trong đó tỷ trọng liên quan công bố quốc tế hay bài báo khoa học chuẩn WoS và Scopus chiếm 20%. Có 100 trong số 240 đại học đã được xếp hạng, trong đó có cả những đại học địa phương. Dưới đây là danh mục 50 đại học được xếp hạng cao nhất theo VNUR:

	Đại học Quốc gia Hà Nội (Công lập)	<b>1</b>	1	30	8	1	9	123	100.00
	Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh (Công lập)	<b>2</b>	3	6	3	2	22	1	99.83
	Trường Đại học Tôn Đức Thắng (Công lập)	<b>3</b>	2	48	1	25	45	8	95.00
	Đại học Bách khoa Hà Nội (Công lập)	<b>4</b>	6	1	6	3	4	2	84.26
	Trường Đại học Duy Tân (Tư thục)	<b>5</b>	4	52	2	14	126	166	83.94
	Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh (Công lập)	<b>6</b>	5	5	4	48	8	147	79.18
	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội (Công lập)	<b>7</b>	16	2	32	9	11	25	66.52
	Trường Đại học Thương Mại (Công lập)	<b>8</b>	13	10	39	34	5	36	63.14
	Trường Đại học Cần Thơ (Công lập)	<b>9</b>	112	4	14	4	47	19	62.28
	Đại học Đà Nẵng (Công lập)	<b>10</b>	10	42	20	12	34	21	62.13
	Trường Đại học Nguyễn Tất Thành (Tư thục)	<b>11</b>	7	75	7	10	139	144	61.16
	Đại học Huế (Công lập)	<b>12</b>	9	62	34	6	44	7	60.76
	Trường Đại học Thủy Lợi (Công lập)	<b>13</b>	21	20	25	16	35	23	59.48
	Trường Đại học Vinh (Công lập)	<b>14</b>	17	41	50	18	12	5	58.74
	Trường Đại học Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh (Công lập)	<b>15</b>	15	56	16	20	77	141	58.11
	Trường Đại học Kinh tế quốc dân (Công lập)	<b>16</b>	120	3	15	19	3	24	57.98
	Trường Đại học Quy Nhơn (Công lập)	<b>17</b>	20	17	54	30	82	29	57.19
	Trường Đại học Thủ Đức Mở (Công lập)	<b>18</b>	7	77	17	36	99	127	56.46
	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội (Công lập)	<b>19</b>	13	40	58	29	41	159	56.05
	Trường Đại học Dược Hà Nội (Công lập)	<b>20</b>	46	7	37	21	17	169	55.86
	Học viện Nông nghiệp Việt Nam (Công lập)	<b>21</b>	42	28	35	7	72	4	55.80
	Học viện Ngân hàng (Công lập)	<b>22</b>	46	9	38	24	16	143	55.59
	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh (Công lập)	<b>23</b>	31	25	28	28	14	140	55.30
	Trường Đại học Ngoại Thương (Công lập)	<b>24</b>	35	35	29	26	1	156	54.91
	Trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh (Công lập)	<b>25</b>	27	39	19	39	71	157	54.04

	Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh (Công lập)	<b>26</b>	39	14	44	77	13	122	53.98
	Trường Đại học Giao thông vận tải (Công lập)	<b>27</b>	36	19	49	11	53	152	53.95
	Trường Đại học Mã - Địa chất (Công lập)	<b>28</b>	38	15	24	17	96	155	53.88
	Học viện Công nghệ bưu chính viễn thông (Công lập)	<b>29</b>	46	12	56	13	30	138	53.67
	Trường Đại học Y tế Công cộng (Công lập)	<b>30</b>	41	34	12	66	108	133	53.44
	Đại học Thái Nguyên (Công lập)	<b>31</b>	26	86	26	8	36	6	53.06
	Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội (Công lập)	<b>32</b>	162	32	5	117	63	56	52.46
	Trường Đại học Đà Lạt (Công lập)	<b>33</b>	46	22	68	51	61	42	51.66
	Trường Đại học Xây dựng Hà Nội (Công lập)	<b>34</b>	115	13	40	15	73	153	51.55
	Trường Đại học Hồng Đức (Công lập)	<b>35</b>	12	97	96	38	37	11	51.50
	Trường Đại học Y Hà Nội (Công lập)	<b>36</b>	120	55	10	41	21	27	51.37
	Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh (Công lập)	<b>37</b>	116	26	47	23	40	3	51.30
	Trường Đại học Đồng Tháp (Công lập)	<b>38</b>	19	93	61	44	31	11	51.13
	Trường Đại học Công nghệ TP. Hồ Chí Minh (Tư thục)	<b>39</b>	11	135	9	59	119	167	51.05
	Học viện Tài chính (Công lập)	<b>40</b>	46	47	82	33	7	112	50.52
	Trường Đại học Văn Lang (Tư thục)	<b>41</b>	22	65	42	72	86	168	50.49
	Trường Đại học Điện lực (Công lập)	<b>42</b>	120	8	69	76	68	32	50.38
	Trường Đại học Giao thông vận tải TP. Hồ Chí Minh (Công lập)	<b>43</b>	42	88	11	45	51	129	49.75
	Trường Đại học Phenikaa (Tư thục)	<b>44</b>	33	113	18	5	89	38	49.71
	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 (Công lập)	<b>45</b>	46	38	83	47	19	131	49.52
	Trường Đại học Tài chính - Marketing (Công lập)	<b>46</b>	46	57	33	71	27	177	49.15
	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên (Công lập)	<b>47</b>	114	29	46	63	116	130	49.01
	Trường Đại học Công nghệ giao thông vận tải (Công lập)	<b>48</b>	46	61	30	42	86	175	48.05
	Trường Đại học Kiến trúc TP. Hồ Chí Minh (Công lập)	<b>49</b>	46	24	90	136	57	181	48.05
	Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội (Công lập)	<b>50</b>	24	67	79	35	92	189	47.65

Ảnh chụp trực tiếp từ VNUR, ngày 20/07/2024



### 2.1.2. SARAP Ranking

SARAP Ranking là một bảng xếp hạng thành tựu bài báo nghiên cứu của các đại học Việt Nam do Nhóm nghiên cứu Đo lường khoa học và Chính sách quản trị nghiên cứu (Scientometrics and Research Administration Policies, SARAP) thuộc ĐH Văn Lang thực hiện dưới dạng một nghiên cứu về SARAP. Kết quả xếp hạng này lần đầu tiên được công bố vào ngày 17/07/2024 (viết tắt: SARAP Ranking 2024-0.5) trên Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Cơ quan ngôn luận và lý luận của Bộ Khoa học và Công nghệ (Lê Văn Út, 2024). SARAP Ranking 2024-0.5 dùng tỷ trọng 100% đối với các bài báo quốc tế loại nghiên cứu chuẩn WoS của Mỹ.

Tất cả các đại học của Việt Nam đều được xếp hạng theo SARAP Ranking 2024-0.5, cụ thể là được phân thành hai nhóm. Top 50 gồm 60 đại học có kết quả cao nhất với ít nhất 20 bài báo nghiên cứu chuẩn WoS và U20 gồm 180 đại học có dưới 20 bài báo nghiên cứu chuẩn WoS. Kết quả cụ thể như sau:

Bảng 3. SARAP Ranking: Top 50 ĐH Việt Nam.

Hạng	ĐH	Số bài WoS	Tỷ lệ (%)
1	ĐH Quốc gia TP Hồ Chí Minh	648	12,87
2	ĐH Quốc gia Hà Nội	405	8,05
3	ĐH Duy Tân	320	6,36
4	ĐH Bách khoa Hà Nội	305	6,06
5	ĐH Tôn Đức Thắng	205	4,07
6	ĐH Văn Lang	178	3,53
7	ĐH Cần Thơ	177	3,52
8	ĐH Y Dược TP Hồ Chí Minh	170	3,38
9	ĐH Nguyễn Tất Thành	165	3,28
10	ĐH Huế	157	3,12
11	ĐH Y Hà Nội	155	3,08
12	ĐH Công nghiệp TP Hồ Chí Minh	151	3,00
13	ĐH Phenikaa	146	2,90
14	ĐH Đà Nẵng	144	2,86
15	ĐH Kinh tế TP Hồ Chí Minh	143	2,66
16	ĐH Thái Nguyên	123	2,44
17	ĐH FPT	106	2,10
18	ĐH Mở TP Hồ Chí Minh	103	2,05
19	Học viện Kỹ thuật Quân sự	96	1,90
20	Học Viện Nông Nghiệp Việt Nam	91	1,81
21	ĐH Sư phạm Kỹ thuật TP Hồ Chí Minh	86	1,71
22	ĐH Sư phạm Hà Nội	85	1,68
23	ĐH Công Nghiệp Hà Nội	78	1,55
24	ĐH Thủy Lợi	76	1,51
25	ĐH Kinh tế Quốc dân	70	1,39
26	ĐH Công nghệ TP Hồ Chí Minh	67	1,33
26	ĐH Nông lâm TP Hồ Chí Minh	67	1,33
26	ĐH Giao thông Vận tải	67	1,33

27	ĐH Việt - Pháp	63	1,25
27	ĐH VinUni	63	1,25
28	ĐH Vinh	58	1,15
29	ĐH Sư phạm TP. HCM	57	1,13
29	ĐH Y Dược Cần Thơ	57	1,13
30	ĐH Công Thương TP Hồ Chí Minh	54	1,07
31	ĐH Mỏ - Địa chất	47	0,93
32	ĐH Xây dựng Hà Nội	44	0,87
33	ĐH Nha Trang	43	0,85
34	Học viên Quân Y	41	0,81
35	ĐH Thú Dầu Một	40	0,80
36	ĐH Y khoa Phạm Ngọc Thạch	39	0,78
37	ĐH Thương mại	38	0,76
38	ĐH Dược Hà Nội	37	0,74
39	ĐH Điện lực	36	0,72
40	ĐH Ngân hàng TP Hồ Chí Minh	33	0,66
40	ĐH Sài Gòn	33	0,66
41	ĐH Tây Nguyên	32	0,64
42	ĐH Đồng Tháp	30	0,60
42	ĐH Quy Nhơn	30	0,60
43	ĐH Công nghệ Giao thông Vận tải	29	0,58
44	ĐH Giao thông Vận tải TP Hồ Chí Minh	27	0,54
44	ĐH Tài chính - Marketing	27	0,54
45	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông	26	0,52
46	ĐH Ngoại thương	25	0,50
47	ĐH Việt - Đức	24	0,48
48	ĐH Sư phạm Hà Nội 2	23	0,46
48	ĐH Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	23	0,46
48	ĐH Y tế công cộng	23	0,46
49	ĐH Công nghệ Đồng Nai	21	0,42
49	ĐH Hàng Hải Việt Nam	21	0,42
50	ĐH Y Dược Hải Phòng	20	0,40

*Ảnh chụp trực tiếp từ Tạp chí KHCN Việt Nam, ngày 20/07/2024*













## 2.2. Các bảng xếp hạng đại học trên thế giới

### 2.2.1. ARWU

ARWU do Trung Quốc chủ trì và được xem là bảng xếp hạng đại học nổi tiếng trên thế giới. Những đại học được ARWU xếp hạng thực sự là những đại có đẳng cấp rất cao trên thế giới, tỷ trọng liên quan các bài báo quốc tế chuẩn WoS chiếm 40%. Hiện tại, Việt Nam không có đại học nào được ARWU xếp hạng.

### 2.2.2. QS

Đây là một bảng xếp hạng đại học từ Anh quốc. Tỷ trọng liên quan bài báo khoa học chuẩn Scopus (Hà Lan) chiếm 20 - 50%, trong đó có 20% được tính trực tiếp từ các bài báo quốc tế loại Scopus và 30% được tính thông qua khảo sát uy tín học thuật (chủ yếu được đánh giá thông qua nghiên cứu khoa học). Hiện nay, có 06 đại học Việt Nam được xếp hạng bởi QS quốc tế:

=495		<b>Duy Tan University</b> Da Nang, Vietnam	24.4	 Shortlist
711-720		<b>Ton Duc Thang University</b> Ho Chi Minh City, Vietnam	n/a	 Shortlist
851-900		<b>Vietnam National University, Hanoi</b> Hanoi, Vietnam	n/a	 Shortlist
901-950		<b>Viet Nam National University Ho Chi Minh City (VNU-HCM)</b> Ho Chi Minh City, Vietnam	n/a	 Shortlist
1201-1400		<b>Hanoi University of Science and Technology</b> Hanoi, Vietnam	n/a	 Shortlist
1201-1400		<b>Hue University</b> Huế, Vietnam	n/a	 Shortlist

*Ảnh chụp từ QS, ngày 20/07/2024*

QS chẳng như xếp hạng đại học thế giới, mà còn xếp hạng các đại trong những khu vực khác nhau như QS Châu Á, QS Mỹ, ... Thêm nữa, QS còn cung cấp các bảng xếp hạng đại học đối với các chuyên đề, chuyên ngành khác nhau.

### 2.2.3. SCImago

SCImago do một nhóm nghiên cứu của Tây Ban Nha phụ trách. Tỷ trọng 80% tiêu chí liên quan nghiên cứu khoa học, trong đó có đến 50% liên quan đến các bài báo khoa học chuẩn Scopus. Hiện có 54 tổ chức của Việt Nam được SCImago xếp hạng gồm các đại học, bệnh viện và viện nghiên cứu. Dưới đây là danh sách 26 tổ chức đầu tiên trong số 54 tổ chức ở Việt Nam hiện được SCImago xếp hạng trên toàn thế giới:


- |                          |           |  |
|--------------------------|-----------|--|
| <input type="checkbox"/> | 1 (1609)  | Ton Duc Thang University                     |
| <input type="checkbox"/> | 2 (1748)  | Duy Tan University                           |
| <input type="checkbox"/> | 3 (2666)  | National Hospital for Tropical Diseases *    |
| <input type="checkbox"/> | 4 (4272)  | HUTECH University of Technology              |
| <input type="checkbox"/> | 5 (4355)  | Oxford University Clinical Research Unit     |
| <input type="checkbox"/> | 6 (4678)  | VNU University of Engineering and Technology |
| <input type="checkbox"/> | 7 (4852)  | Vietnam National University of Agriculture   |
| <input type="checkbox"/> | 8 (4891)  | Hanoi University of Science and Technology   |
| <input type="checkbox"/> | 9 (4960)  | University of Economics Ho Chi Minh City     |
| <input type="checkbox"/> | 10 (4978) | Nguyen Tat Thanh University                  |
| <input type="checkbox"/> | 11 (5059) | Phenikaa University                          |
| <input type="checkbox"/> | 12 (5082) | Hanoi Medical University                     |
| <input type="checkbox"/> | 13 (5160) | Vietnam Academy of Science and Technology *  |

- 14 (5179) Hospital for Tropical Diseases \*
- 15 (5355) Ho Chi Minh City University of Industry and Trade
- 16 (5528) Vietnam National University, Hanoi
- 17 (5537) VNU University of Science
- 18 (5599) Ho Chi Minh City University of Technology
- 19 (5678) Ho Chi Minh City Open University
- 19 (5678) Vinh University
- 21 (5774) Can Tho University
- 22 (5917) Quy Nhon University
- 23 (5945) FPT University
- 24 (6165) University of Medicine and Pharmacy, Ho Chi Minh City
- 25 (6282) Thu Dau Mot University
- 26 (6378) National Economics University

*Ảnh chụp từ SCImago, ngày 20/07/2024*

## 2.2.4. THE

THE là một bảng xếp hạng đại học thế giới với tỷ trọng 65.5% liên quan nghiên cứu khoa học. Trong đó, có 38% tiêu chí đến từ các bài báo khoa học chuẩn Scopus. Hiện tại, có 06 đại học Việt Nam được xếp hạng bởi THE trên toàn thế giới; cụ thể:



The screenshot shows the THE World University Rankings 2024 for Vietnam. The table lists six universities with their respective ranks, names, countries, and various performance metrics.

Rank	Name Country/Region	No. of FTE Students	No. of students per staff	International Students	Female:Male Ratio	% Interdiscip. Science Research
601–800	Duy Tan University Vietnam	23,951	24.3	0%	57 : 43	42%
601–800	Ton Duc Thang University Vietnam	28,400	21.9	1%	57 : 43	42%
1201–1500	Vietnam National University, Hanoi Vietnam	52,005	15.9	1%	63 : 37	38%
1501+	Hanoi University of Science and Technology Vietnam	37,891	34.1	0%	20 : 80	46%
1501+	Hue University Vietnam	48,943	23.0	1%	56 : 44	24%
1501+	Vietnam National University (Ho Chi Minh City) Vietnam	83,599	24.5	1%	46 : 54	42%

*Ảnh chụp từ THE, ngày 20/07/2024*

Tương tự như QS, THE cũng có các bảng xếp hạng khu vực, xếp hạng chuyên đề rất đa dạng.

### 2.2.5. URAP

Đây là một bảng xếp hạng đại học thế giới của Thổ Nhĩ Kỳ, với 100% tỷ trọng liên quan các bài báo khoa học chuẩn WoS. Hiện nay, Việt Nam có 23 đại học được xếp hạng thế giới bởi URAP, cụ thể như sau:










No	University	No	University
		2155	Can Tho University
452	Duy Tan University		Hanoi National
501	Ton Duc Thang University	2174	University of Education
793	Vietnam National University Hochiminh City	2219	Industrial University of Ho Chi Minh City
947	Nguyen Tat Thanh University (NTTU)	2322	Thai Nguyen University
1049	Vietnam National University Hanoi	2348	Le Quy Don Technical University
1256	Hanoi Medical University	2722	Hanoi University of Mining & Geology
1476	Hanoi University of Science & Technology (HUST)	2767	Thuyloi University
1803	Ho Chi Minh City University of Technology (HUTECH)	2777	Van Lang University
1939	Ho Chi Minh City University of Technology (HCMCUT)	2868	University of Science & Technology of Hanoi (USTH)
2052	Hue University	2884	HCMC University of Technology & Education (HCMUTE)
		2937	Nong Lam University
		2973	Ho Chi Minh City Open University
		2994	Ho Chi Minh City University of Food Industry

Ảnh chụp từ URAP, ngày 20/07/2024

### 2.2.6. US News

Đối với bảng xếp hạng các đại học trên toàn cầu, US News dùng tỷ trọng 100% đối với nhiều khía cạnh liên quan đến bài báo nghiên cứu chuẩn WoS. Hiện tại, có 09 đại học của Việt Nam được xếp hạng trên toàn cầu bởi US News. Cụ thể như sau:

Đây là bảng xếp hạng đại học của Mỹ, cung cấp xếp hạng quốc gia cho các đại học của Mỹ, xếp hạng cho các đại học khu vực và xếp hạng quốc tế cho các đại học trên toàn cầu. Ngoài ra, US News cũng có các bảng xếp hạng chuyên ngành và/hoặc chuyên đề.

	<p><b>Ton Duc Thang University</b></p> <p>Vietnam   Ho Chi Minh City</p> <p>#1 in Best Universities in Vietnam #253 in Best Global Universities (QS)</p> <p><a href="#">Read More</a></p>	<p>Global Score <b>62.5</b></p> <p>Environment <b>N/A</b></p>
	<p><b>Duy Tan University</b></p> <p>Vietnam   Hanoi</p> <p>#2 in Best Universities in Vietnam #296 in Best Global Universities (QS)</p> <p><a href="#">Read More</a></p>	<p>Global Score <b>60.7</b></p> <p>Environment <b>N/A</b></p>
	<p><b>Nguyen Tat Thanh University (NTTU)</b></p> <p>Vietnam   Ho Chi Minh City</p> <p>#3 in Best Universities in Vietnam #730 in Best Global Universities (QS)</p> <p><a href="#">Read More</a></p>	<p>Global Score <b>48.0</b></p> <p>Environment <b>N/A</b></p>
	<p><b>Vietnam National University Hanoi</b></p> <p>Vietnam   Hanoi</p> <p>#4 in Best Universities in Vietnam #844 in Best Global Universities (QS)</p> <p><a href="#">Read More</a></p>	<p>Global Score <b>45.8</b></p> <p>Environment <b>N/A</b></p>
	<p><b>Vietnam National University Hochiminh City</b></p> <p>Vietnam   Ho Chi Minh City</p> <p>#5 in Best Universities in Vietnam #900 in Best Global Universities (QS)</p> <p><a href="#">Read More</a></p>	<p>Global Score <b>45.4</b></p> <p>Environment <b>N/A</b></p>
	<p><b>Ho Chi Minh City University of Technology (HCMCUT)</b></p> <p>Vietnam   Ho Chi Minh City</p> <p>#6 in Best Universities in Vietnam #1,590 in Best Global Universities (QS)</p> <p><a href="#">Read More</a></p>	<p>Global Score <b>32.7</b></p> <p>Environment <b>N/A</b></p>
	<p><b>Hanoi University of Science &amp; Technology (HUST)</b></p> <p>Vietnam   Hanoi</p> <p>#7 in Best Universities in Vietnam #1,710 in Best Global Universities (QS)</p> <p><a href="#">Read More</a></p>	<p>Global Score <b>30.4</b></p> <p>Environment <b>N/A</b></p>
	<p><b>Hue University</b></p> <p>Vietnam   Hue City</p> <p>#8 in Best Universities in Vietnam #2,010 in Best Global Universities (QS)</p> <p><a href="#">Read More</a></p>	<p>Global Score <b>23.5</b></p> <p>Environment <b>N/A</b></p>
	<p><b>Can Tho University</b></p> <p>Vietnam   Can Tho City</p> <p>#9 in Best Universities in Vietnam #2,043 in Best Global Universities (QS)</p> <p><a href="#">Read More</a></p>	<p>Global Score <b>22.6</b></p> <p>Environment <b>N/A</b></p>

Ảnh chụp từ US News, ngày 20/07/2024



### 3. CÔNG BỐ KHOA HỌC QUỐC TẾ GẮN VỚI XẾP HẠNG ĐẠI HỌC

#### 3.1. Cách đo giá trị của công bố quốc tế đối với các đại học

Như đã phân tích ở trên, có thể thấy công bố quốc tế là sản phẩm căn bản và phổ biến từ hoạt động nghiên cứu khoa học của các đại học. Việc đại học sản xuất ra được các công bố quốc tế là điều rất tốt. Tuy nhiên, giá trị của các công bố quốc tế cần phải được cụ thể hóa, chứ không nên chỉ dừng lại ở số lượng công bố quốc tế. Việc đo lường giá trị của các công bố quốc tế luôn là thách thức trong lĩnh vực đo lường khoa học và chính sách quản trị nghiên cứu ở các đại học.

Tác giả bài viết này đã định nghĩa việc đo giá trị của các công bố quốc tế thông qua giá trị tiền thu được từ việc chuyển giao các kết quả nghiên cứu mới bao gồm các công bố quốc tế (Lê Văn Út, 2024a; Lê Văn Út, 2024b; Lê Văn Út, 2024c). Từ đó, các công bố quốc tế của các đại học có thể được chuyển giao thành các sản phẩm tri thức mới, sản phẩm công nghệ mới hoặc sản phẩm danh tiếng mới. Các công bố quốc tế này có thể mang lại tiền trực tiếp (tiền mặt) nếu có thể tạo ra sản phẩm công nghệ mới được thị trường chấp nhận và tiêu thụ. Ngoài ra, các công bố quốc tế cũng có thể mang lại tiền gián tiếp thông qua các sản phẩm được chuyển giao gồm sản phẩm tri thức mới hoặc sản phẩm danh tiếng mới.

#### 3.2. Vai trò của công bố quốc tế trong xếp hạng đại học

Đối với các bảng xếp hạng đại học uy tín từ Việt Nam và trên thế giới, vai trò của công bố quốc tế hay các bài báo quốc tế là rất quan trọng và/hoặc mang tính quyết định. Có thể tóm tắt tỷ trọng của các bài báo quốc tế trong các bảng xếp hạng đã phân tích ở trên như sau:

Bảng xếp hạng	Tỷ trọng		Bảng xếp hạng	Tỷ trọng
VNUR	20%, WoS/Scopus		SCImago	50%, Scopus
SARAP	100%, WoS		THE	38%, Scopus
ARWU	40%, WoS		URAP	100%, WoS
QS	20-50%, Scopus		US News	100%, WoS

Đối với QS, 20% được tính trực tiếp từ các bài báo quốc tế loại Scopus và 30% đến từ khảo sát uy tín học thuật từ chuyên gia (chủ yếu được đánh giá qua đẳng cấp nghiên cứu).

Kết quả thống kê trên cho thấy rõ hơn về vai trò của công bố quốc tế như đã phân tích. Thành tựu công bố quốc tế có thể quyết định kết quả xếp hạng của các đại học. Tùy theo chiến lược phát triển, các đại học có thể quyết định đầu tư phát triển công bố quốc tế để có thể sớm được vào các bảng xếp hạng đại học uy tín trong nước và/hoặc trên thế giới.

Tuy nhiên, các đại học cũng phải hết sức lưu ý là số lượng các công bố quốc tế chưa hẳn quyết định hạng của đại học. Các tổ chức xếp hạng có thể xem xét nhiều khía cạnh khác nhau của công bố quốc tế như công bố quốc tế thuộc loại các bài báo nghiên cứu, uy tín của tạp chí khoa học, trích dẫn khoa học, hợp tác nghiên cứu, ...

### **3.3. Giải pháp chiến lược để tối ưu hóa hiệu quả của công bố quốc tế**

Để có thể tối ưu hóa hiệu quả của công bố quốc tế, các đại học có thể xem xét các đề xuất sau trong quá trình đầu tư phát triển công bố quốc tế:

(1) Nghiên cứu khoa học và đào tạo là hai nhiệm vụ chính của một đại học. Nghiên cứu khoa học là giải pháp duy nhất để nâng cao chất lượng đào tạo. Do đó, các đại học nên đầu tư phát triển công bố quốc tế trên cơ sở là thực hiện nhiệm vụ chính của đại học, không nên chỉ đầu tư phát triển công bố quốc tế chỉ để phục vụ cho xếp hạng đại học.

(2) Để có thể khai thác một cách đầy đủ và tối ưu giá trị của các công bố quốc tế, các đại học cần thực hiện chuyển giao các công bố quốc tế để nâng cao chất lượng đào tạo thông qua các sản phẩm tri thức mới, để đưa các kết quả nghiên cứu ra thị trường thông qua sản phẩm công nghệ mới và mang nguồn thu về cho đại học, và nâng cao danh tiếng của đại học dưới dạng các sản phẩm danh tiếng mới.

(3) Thành tựu xếp hạng đại học là một trong những sản phẩm danh tiếng mới rất quan trọng cho đại học. Và như vậy, phát triển công bố quốc tế là để tạo ra chất lượng thực sự cho các đại học và đồng thời chất lượng thực sự này lại quyết định thành tựu xếp hạng. Một đại học phát triển công bố quốc tế theo chiến lược này có thể có được sự tương đồng giữa chất lượng thực sự và thành tựu công bố quốc tế.

(4) Hợp tác trong phát triển công bố quốc tế là một chiến lược rất quan trọng. Tuy nhiên, các đại học không nên quá lạm dụng trong việc xây dựng thành tựu dựa trên những sản phẩm từ ngoại lực bên ngoài đại học; chỉ nên hợp tác theo chiến lược dùng ngoại lực để giúp phát triển và xây dựng nội lực bền vững.

## **4. XẾP HẠNG CỦA CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG**

Theo Tự điển Macmillan của Anh quốc, đại học (university) là nơi mà sinh viên học để có bằng cấp và nghiên cứu khoa học được thực hiện. Tuy nhiên, ở một số nước có thêm khái niệm mở rộng của đại học là đại học khoa học ứng dụng hoặc trường đại học định hướng ứng dụng

### **4.1. Tình hình thế giới**

Các các nước như Phần Lan, Hà Lan, Đức, ..., bên cạnh các đại học (university) thì có thêm các đại học khoa học ứng dụng (university of applied Science). Các đại học khoa học ứng dụng chỉ cung cấp các chương trình đào tạo cử nhân và thạc sĩ, không có chương trình tiến sĩ. Sinh viên tốt nghiệp các đại học khoa học ứng dụng, dù được cấp bằng thạc sĩ, nói chung không được học tiếp lên chương trình tiến sĩ (Oulu University of Applied Sciences, 2024).

Về nghiên cứu khoa học, các đại học khoa học ứng dụng vẫn phải thực hiện một trong hai nhiệm vụ chính của một đại học là nghiên cứu khoa học. Tuy nhiên, nghiên cứu khoa học ở các đại học khoa học ứng dụng chủ yếu tập trung vào nghiên cứu ứng dụng, giải quyết những vấn đề thực tiễn của doanh nghiệp và cộng đồng. Các đại học này không tập trung vào phát triển các công bố quốc tế.

Về xếp hạng đại học, có thể thấy là các đại học khoa học ứng dụng chưa từng được xuất hiện trên các bảng xếp hạng đại học thế giới hoặc các bảng xếp hạng đại học thế giới uy tín như đã trình bày ở trên. Tuy nhiên, các đại học khoa học ứng dụng thường tham gia gần sao đại học, tham gia xếp hạng đại học khoa học ứng dụng thông qua khảo sát sinh viên và bảng xếp hạng này do Hà Lan chủ trì (the National Student Survey, NSS).

#### **4.2. Tình hình Việt Nam**

Ngày 08/09/2015, Chính phủ ban hành Nghị định số 73/2015/NĐ-CP về Tiêu chuẩn phân tầng, khung xếp hạng và tiêu chuẩn xếp hạng cơ sở giáo dục đại học. Trong đó, các đại học được thành 03 tầng gồm đại học định hướng nghiên cứu, đại học định hướng ứng dụng và đại học định hướng thực hành. Tuy nhiên, theo Luật số 34/2018/QH14 Quốc hội ban Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật giáo dục đại học vào ngày 19 tháng 11 năm 2018, có thể thấy khái niệm phân tầng như đã nêu có dấu hiệu không được nhắc đến một cách trực tiếp.

Thực tế, Việt Nam chỉ có các cơ sở giáo dục đại học gồm đại học, trường đại học, học viện có đào tạo (như đã viết tắt: đại học), chứ không có khái niệm đại học khoa học ứng dụng như ở các nước. Đây là một điểm đặc thù và khác biệt của hệ thống giáo dục đại học ở Việt Nam. Sau khi Nghị định số 73/2015/NĐ-CP ra đời, các đại học trong cả nước đã có những hoạch định cơ bản về chiến lược phát triển, chủ yếu theo một trong hai hướng là đại học định hướng nghiên cứu hoặc đại học định hướng ứng dụng. Và về căn bản, các đại học ở Việt Nam vẫn thực hiện đúng các quy định, luật liên quan là điều thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học như một trong hai nhiệm vụ chính, nhưng mỗi mô hình phát triển thì có thể tỷ trọng nghiên cứu đối với từng hướng nghiên cứu (hàn lâm, ứng dụng) có thể khác nhau.

#### **4.3. Chiến lược đối với những trường đại học định hướng ứng dụng**

Từ những phân tích trên, có thể đề xuất các chiến lược trong phát triển nghiên cứu và xếp hạng đại học đối với các trường đại học định hướng ứng dụng như sau:

(1) Vẫn tiếp tục phát triển nghiên cứu khoa học như là một trong hai nhiệm vụ chính theo hướng dẫn tại Nghị định số 109/2022/NĐ-CP (Chính phủ, 2022). Điều này cũng phù hợp với định nghĩa đại học/university trong Tự điển Macmillan của Anh quốc.

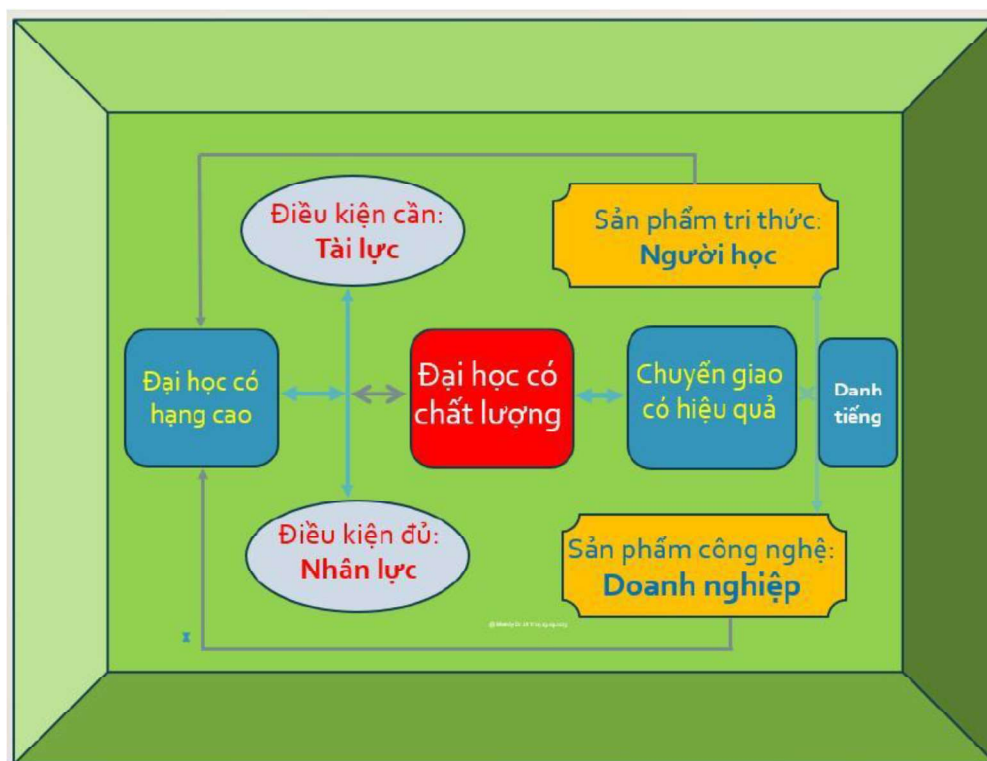
(2) Xác định tỷ trọng ưu tiên đối với hai hướng nghiên cứu gồm hàn lâm và ứng dụng. Có thể tập trung nhiều hơn cho các nghiên cứu ứng dụng để hướng đến tạo ra các sản phẩm công nghệ mới và sản phẩm danh tiếng mới; đương nhiên, những sản phẩm chuyển giao này trước tiếp phải đóng góp trực tiếp vào hoạt động đào tạo để tạo ra những sản phẩm đào tạo có chất lượng.

(3) Không nên xem nhẹ phát triển nghiên cứu hàn lâm để hướng đến các công bố quốc tế vì tinh thần chung thì chính các công bố quốc tế mới có thể đóng góp nhiều hơn vào các hoạt động chuyển giao tri thức và chuyển giao danh tiếng (đặc biệt là xếp hạng đại học) cho đại học. Hơn nữa, các đại học định hướng ứng dụng ở Việt Nam vẫn đẩy mạnh đào tạo sau đại học nên rất cần phát triển công bố quốc tế.

(4) Lựa chọn bảng xếp hạng phù hợp để hướng đến. Có thể chỉ nên hướng đến các bảng xếp hạng mà công bố quốc tế chiếm tỷ trọng không cao như VNUR, QS, hoặc THE.

## 5. KẾT LUẬN

Xếp hạng đại học đối với các đại học Việt Nam đã được sự quan tâm và chỉ đạo đặc biệt của Ban chấp hành Trung ương Đảng, và cũng đã được luật hóa. Do đó, mỗi đại học cần xác định mục tiêu và chiến lược phát triển phù hợp sao cho hiệu quả tối ưu nhất, và có cơ hội được xếp hạng nhất hoặc xếp hạng cao nhất. Điều này là hoàn toàn khả thi đối với cả các đại học định hướng nghiên cứu và cả các đại học định hướng nghiên cứu ứng dụng. Thực tiễn cho thấy, có những đại học định hướng ứng dụng và ngay cả các đại học địa phương đã và đang phát triển rất tốt và đã được vào các bảng xếp hạng đại học uy tín trong và ngoài nước như VNUR, SARAP, SCImago. Có thể tóm tắt các vấn đề liên quan đến chất lượng của đại học và xếp hạng đại học trong mô hình sau thay có lời kết:



Thiết kế: TS. Lê Văn Út

*Cảm tạ:* Tác giả xin chân thành cảm ơn Trường Đại học Thủ Dầu Một đã mời tác giả viết bài báo này cho Kỷ yếu của Hội thảo khoa học của Trường và báo cáo tại hội thảo này.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Clarivate (2024); Web of Science Collections, Web of Science Core Collection, Document Types; 25/07/2024.
- [2] Oulu University of Applied Sciences (2024); About Oamk; <https://oamk.fi/en/about-oamk/>, 29/07/2024 (retrieved)
- [3] University of Cape Tow (2024); Research outputs; <https://uct.ac.za/research-support-hub/research-outputs>, 25/07/2024 (retrieved).

- [4] Mỹ Quyên (2024); Trường ĐH nào có nhiều nghiên cứu chuẩn quốc tế nhất trong 6 tháng đầu năm?; Thanh Niên, Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam, 25/07/2024.
- [5] TS. Lê Văn Út (2024); Xếp hạng thành tựu bài báo nghiên cứu của các đại học Việt Nam trong nửa đầu năm 2024; Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Bộ Khoa học và Công nghệ, 17/07/2024.
- [6] TS. Lê Văn Út (2024a); Làm thế nào để khoa học và công nghệ ra tiền?, Đại biểu Nhân dân, Văn phòng Quốc hội, 31/01/2024.
- [7] TS. Lê Văn Út (2024b); Ba loại sản phẩm khoa học công nghệ tạo ra tiền, Đại biểu Nhân dân, Văn phòng Quốc hội, 01/02/2024.
- [8] TS. Lê Văn Út (2024c); 7 vấn đề và 6 giải pháp để khoa học công nghệ tạo ra tiền, Đại biểu Nhân dân, Văn phòng Quốc hội, 02/02/2024.
- [9] TS. Lê Văn Út (2023); Đôi điều về việc xếp hạng các đại học ở Việt Nam, Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Bộ Khoa học và Công nghệ, 31/03/2023.
- [10] Lê Huyền (2023); Tại sao chỉ một số ĐH Việt Nam tham gia cuộc chơi xếp hạng quốc tế? (phỏng vấn độc lập TS. Lê Văn Út); VietNamNet, Bộ Thông tin và Truyền thông, 25/02/2023.
- [11] Lê Huyền (2023); Để được xếp hạng đại học thì không thể thiếu tiền (phỏng vấn độc lập TS. Lê Văn Út); VietNamNet, Bộ Thông tin và Truyền thông, 24/02/2023.
- [12] Chính phủ (2022), Nghị định số 109/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục ĐH.
- [13] TS. Lê Văn Út (2022a); Xếp hạng đại học & nghiên cứu khoa học; Báo cáo nghiên cứu chiến lược, Trường Đại học Văn Lang, 25/08/2022.
- [14] TS. Lê Văn Út (2022b); Xếp hạng đại học: phát triển hay chỉ xếp hạng?; Báo cáo nghiên cứu chiến lược, Trường Đại học Văn Lang, 25/07/2022.
- [15] V.K. Singh, et al. (2021), The journal coverage of Web of Science, Scopus and Dimensions: A comparative analysis; Scientometrics, 126(6), pp.5113-5142.
- [16] Nhật Hồng (2020); Có công bố quốc tế, giáo dục mới tạo sự khác biệt về chất lượng (phỏng vấn độc lập TS. Lê Văn Út), Dân Trí, 06/11/2020.
- [17] Công Chương (2020); Xếp hạng đại học: Con đường hiệu quả nhất để thế giới biết mình (phỏng vấn độc lập TS. Lê Văn Út); Báo Giáo dục & Thời đại, 15/05/2020.
- [18] TS. Lê Văn Út (2019); Phát triển nghiên cứu khoa học bền vững để bảo đảm xếp hạng đại học; Báo cáo nghiên cứu chiến lược, Trường Đại học Tôn Đức Thắng, 28/08/2019.
- [19] TS. Lê Văn Út (2016); Mục tiêu phải thực hiện gấp để xếp hạng đại học Châu Á năm 2017 và lộ trình vào top 300 Châu Á; Báo cáo nghiên cứu chiến lược, Trường Đại học Tôn Đức Thắng, 08/08/2016.
- [20] TS. Lê Văn Út (2016a); So sánh năng lực các khoa của đại học top 500 thế giới theo bảng xếp hạng đại học thế giới QS World University Rankings; Báo cáo nghiên cứu chiến lược, Trường Đại học Tôn Đức Thắng, 01/08/2016.
- [21] TS. Lê Văn Út (2016b); So sánh năng lực của các nhóm ngành của đại học top 500 thế giới theo bảng xếp hạng đại học thế giới QS World University Rankings; Báo cáo nghiên cứu chiến lược, Trường Đại học Tôn Đức Thắng, 08/07/2016.
- [22] TS. Lê Văn Út (2015); Cơ sở dữ liệu xếp hạng Châu Á của Trường Đại học Tôn Đức Thắng; Báo cáo nghiên cứu chiến lược, Trường Đại học Tôn Đức Thắng, 16/06/2015.
- [23] TS. Lê Văn Út (2014); Xếp hạng đại học thế giới và kế hoạch chuẩn bị; Báo cáo nghiên cứu chiến lược, Trường Đại học Tôn Đức Thắng, 03/09/2014.